TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2024
"V/v Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Lâm Thành T , sinh năm 1988.

Địa chỉ: khóm S , Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Chị Tăng Thị H , sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm Đ , Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2023; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06/11/2023 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lâm Thành T trình bày: Anh Lâm Thành T và chị Tăng Thị H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 (hai) người con chung là Lâm Chí T1 (nam) sinh ngày 27/01/2007 và Tăng Chí T2 (nam) sinh ngày 12/01/2009; Cháu T1 đã chết vào ngày 18/6/2012, còn cháu T2 hiện đang sống với mẹ tại khóm Đ , Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, thường tranh chấp cãi vã nên hai người không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Lâm Thành T yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa anh với chị Tăng Thị H không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giữa anh T và chị H còn một con chung là cháu Tăng Chí T2 (nam) sinh ngày 12/01/2009, hiện đang sống với chị H . Cháu đã trên 7 tuổi nên tùy theo nguyện vọng của con, muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu con muốn sống với cha thì anh T xin được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; nếu con muốn sống với mẹ thì anh T đồng ý giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Tăng Thị H : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị H không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, chị H cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho chị H và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 14/3/2024, bị đơn H vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Thành T khởi kiện, yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa anh T với chị Tăng Thị H là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con. Yêu cầu của anh Tốt được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Tăng Thị H đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, giấy khai sinh, giấy chứng tử của con cũng như việc không phản đối của chị H ; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh T về việc anh T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và đã có hai con chung là cháu Lâm Chí T1 (nam) sinh ngày 27/01/2007 và cháu Tăng Chí T2 (nam) sinh ngày 12/01/2009 nhưng hiện nay cháu Lâm Chí T1 đã chết là sự thật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Như vậy, hôn nhân giữa anh Lâm Thành T và chị Tăng Thị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Tăng Thị H . Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa anh Lâm Thành T và chị Tăng Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Tăng Chí T2 (nam) sinh ngày 12/01/2009 hiện đang sống với chị H , cháu T2 đang đi học ổn định, có nguyện vọng muốn sống với mẹ và anh T không phản đối hay có ý kiến gì khác. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Tăng Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tăng Chí T2 (nam) sinh ngày 12/01/2009 cho đến cháu T2 thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tăng Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh Lâm Thành T khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Lâm Thành T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa anh Lâm Thành T và chị Tăng Thị H không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Tăng Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Tăng Chí T2 (nam) sinh ngày 12/01/2009 cho đến cháu T2 thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân.

Trong thời gian chị Tăng Thị H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tăng Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu T2, chị H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh T có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lâm Thành T phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008514 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lâm Thành T và chị Tăng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hiếu

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.